

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2013

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012 - 2015

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015;

Thực hiện Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012 - 2015;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012 - 2015 như sau:

Điều 1. Quy định chung

1. Thông tư này hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012 - 2015 (sau đây viết tắt là CTMTQG GD&ĐT) được quy định tại Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt CTMTQG GD&ĐT, bao gồm:

a) Dự án 1: Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập

giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học (Mã số 0118).

b) Dự án 2: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân (Mã số 0121).

c) Dự án 3: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; Hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường sư phạm (Mã số 0123).

d) Dự án 4: Nâng cao năng lực cán bộ quản lý Chương trình và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (Mã số 0124).

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách CTMTQG GD&ĐT để thực hiện các dự án và các cơ quan quản lý Chương trình theo quy định tại Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt CTMTQG GD&ĐT giai đoạn 2012 - 2015.

3. Nguồn vốn thực hiện CTMTQG GD&ĐT bao gồm: Nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Trong đó nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) chỉ bố trí để thực hiện nội dung Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới 41 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện, 07 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh tại các địa phương thuộc Dự án 3: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; Hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường sư phạm.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thụ hưởng CTMTQG GD&ĐT chủ động huy động, sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác như: Nguồn thu phí, lệ phí được để lại, nguồn đóng góp tự nguyện của cá nhân, các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước (bằng tiền, hiện vật, công lao động...) để thực hiện các mục tiêu dự án của CTMTQG GD&ĐT.

5. Việc sử dụng kinh phí CTMTQG GD&ĐT phải tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý tài chính, lập dự toán, phân bổ, sử dụng, quyết toán và chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ.

6. Khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nêu tại Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt CTMTQG GD&ĐT giai đoạn 2012 - 2015 bao gồm các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn được cấp có thẩm quyền quy định.

Điều 2. Nội dung và mức chi chung

1. Hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác phí đối với các đợt kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục thuộc CTMTQG GD&ĐT thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài

chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

3. Các cuộc điều tra khảo sát của CTMTQG GD&ĐT thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

4. Đối với việc sử dụng kinh phí CTMTQG GD&ĐT để mua sắm trang thiết bị, tài liệu, sách báo, phương tiện nghe nhìn, đồ dùng dạy học thực hiện theo đúng quy định của Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2005, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đấu thầu xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng, Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác của Nhà nước.

5. Đối với việc sử dụng kinh phí CTMTQG GD&ĐT chi cho hoạt động thường xuyên của Ban Quản lý CTMTQG GD&ĐT thực hiện theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác của Nhà nước (nếu có)

Điều 3. Nội dung và mức chi đặc thù của các dự án

1. Dự án 1: Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học.

1.1. Chi trang bị thiết bị dạy học tối thiểu cho các nhóm lớp mầm non để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới; trang bị thiết bị phần mềm trò chơi làm quen với vi tính, đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non; Chi mua sắm bổ sung sách giáo khoa cho các trường tiểu học, trung học cơ sở tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư này.

1.2. Chi điều tra, thống kê số người mù chữ, tái mù chữ trong độ tuổi 15-55; điều tra, tình hình phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở; kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục (mầm non 5 tuổi, tiểu học, trung học cơ sở) và xóa mù chữ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 2 của Thông tư này.

1.3. Chi hỗ trợ học phẩm, tài liệu học tập đối với học viên tham gia học tại các lớp xóa mù và chống tái mù chữ, các lớp phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định về hỗ trợ học phẩm cho học sinh trung học cơ sở tại Mục 6, Điều 2, Thông tư liên tịch số

109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc.

1.4. Chi hỗ trợ hoạt động huy động số người mù chữ, tái mù chữ trong độ tuổi 15-60 đến lớp xóa mù; huy động trẻ trong độ tuổi giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở đang bỏ học hoặc chưa có điều kiện đến trường vào các lớp phổ cập hoặc trở lại nhà trường tiếp tục học; huy động hầu hết trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 để thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2; huy động hầu hết trẻ em độ tuổi 11 đã hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 để thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi; vận động, tạo điều kiện để hầu hết trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, hoặc khuyết tật được học tập tại các cơ sở giáo dục đại trà hoặc các cơ sở giáo dục hoà nhập, cơ sở giáo dục chuyên biệt.

1.5. Chi thấp sáng đối với lớp học phổ cập ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập; chi hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện phổ cập (quận, huyện, xã, phường) từ phổ cập mầm non năm tuổi đến phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

1.6. Chi phụ cấp cho người làm công tác xóa mù, phổ cập

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước (NSNN) của CTMTQG GD&ĐT đã được Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể các mức chi đối với các nội dung tại khoản 1.4, 1.5, 1.6 Điều này để thực hiện tại địa phương.

1.7. Chi bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên dạy các lớp phổ cập tiểu học, trung học cơ sở: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Thông tư này.

1.8. Chi trả thù lao đối với giáo viên dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ, lớp phổ cập:

a) Đối với giáo viên thuộc biên chế ngành giáo dục, mức chi thù lao tính theo số giờ thực dạy vượt định mức giờ chuẩn và được thanh toán trả lương làm thêm giờ theo quy định hiện hành (Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập).

b) Đối với những người ngoài biên chế của ngành giáo dục, nếu có đủ tiêu chuẩn và năng lực giảng dạy, tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ và phổ cập giáo dục thì thực hiện ký hợp đồng với đơn vị được giao tổ chức mở lớp, mức chi thù lao theo hợp đồng tương đương với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học (theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ).

2. Dự án 2: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2.1. Chi xây dựng chương trình và biên soạn các sách giáo khoa tương ứng đối với chương trình ngoại ngữ 10 năm bắt đầu từ lớp 3 cho đến hết lớp 12; xây dựng chương trình dạy và học bằng ngoại ngữ cho một số môn như Toán và một số môn phù hợp ở các trường trung học phổ thông.

Nội dung và mức chi như sau:

a) Xây dựng chương trình tổng thể và chương trình môn học:

- Xây dựng chương trình: Tối đa 150.000 đồng/tiết;
- Sửa chữa, biên tập tổng thể: Tối đa 45.000 đồng/tiết;
- Thẩm định chương trình: Tối đa 10.000 đồng/tiết/người.

b) Biên soạn sách giáo khoa, sách giáo viên:

- Thù lao cho tác giả: 100.000 đồng - 400.000 đồng/tiết;
- Thù lao cho chủ biên: Tối đa 45.000 đồng/tiết;
- Thù lao cho tổng chủ biên: Tối đa 30.000 đồng/tiết;
- Thù lao đọc góp ý đề cương: 100.000 đồng - 400.000 đồng/1 bản đề cương/người;
- Thù lao đọc góp ý bản thảo: 1.000 đồng - 5.000 đồng/1 trang bản thảo/người (trang bản thảo khổ 14,5cm x 20,5cm).

c) Biên soạn sách bài tập, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ: Các mức chi thù lao được áp dụng tại điểm b, Khoản 2.1 Điều này, với số tiết được tính quy đổi 3 trang = 1 tiết.

d) Thù lao dịch tài liệu :

- Từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: Tối đa 90.000 đồng/trang 350 từ;
- Từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: Tối đa 100.000 đồng/trang 350 từ.

đ) Thù lao minh họa sách:

- Thù lao trang bìa: 100.000 đồng - 300.000 đồng/bìa;
- Thù lao can, vẽ kỹ thuật: 1.000 đồng - 15.000 đồng/hình;
- Thù lao vẽ hình minh họa có tính nghệ thuật: 20.000 đồng - 200.000 đồng/hình.

e) Chi tổ chức hoàn thiện sách:

Trưởng ban quản lý Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020 xem xét sự cần thiết và quyết định tổ chức trại hoàn thiện sách đối với từng loại sách cụ thể nhưng tối đa không quá 3 ngày cho một lần tổ chức trại.

Trong thời gian tổ chức trại hoàn thiện sách được chi các nội dung sau:

- Chi thù lao cho tác giả, biên tập viên: Tối đa 100.000 đồng/người/ngày;
- Chi phụ cấp tiền ăn (tác giả, biên tập viên, thành viên ban tổ chức): Tối đa 100.000 đồng/người/ngày;
- Tiền nước uống: Tối đa 30.000 đồng/người/ngày;

- Tiền tàu xe: Thanh toán theo thực tế;
- Ban tổ chức thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tập trung tại nơi đến công tác: mức chi theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành.

g) Chi cho thẩm định sách:

Trường Ban Quản lý Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020 xem xét sự cần thiết và quyết định tổ chức trại thẩm định sách đối với từng loại sách cụ thể nhưng tối đa không quá 3 ngày cho một lần tổ chức trại.

Trong thời gian tập trung để tổ chức thẩm định sách được chi các nội dung sau:

- Chi phụ cấp tiền ăn: Tối đa 100.000 đồng/người/ngày;
- Tiền nước uống: Tối đa 30.000 đồng/người/ngày;
- Tiền tàu xe: Thanh toán theo thực tế;
- Ban tổ chức thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tập trung tại nơi đến công tác; mức chi theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành;
- Chi đọc thẩm định sách: Tối đa 15.000 đồng/tiết/người;
- Chi thù lao cho các thành viên Hội đồng thẩm định (tính cho những ngày tổ chức thẩm định sách):
 - + Chủ tịch Hội đồng thẩm định: Tối đa 100.000 đồng/người/buổi;
 - + Phó chủ tịch, uỷ viên, thư ký Hội đồng thẩm định: Tối đa 80.000 đồng/người/buổi;
 - + Các thành viên khác: Tối đa 50.000 đồng/người/buổi.

h) Chi in ấn sách giáo viên, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ để cấp phát cho giáo viên của các trường tham gia dạy thí điểm thực hiện theo các hợp đồng in ấn: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 2 của Thông tư này.

2.2. Chi xây dựng các chương trình ngoại ngữ tăng cường và biên soạn các giáo trình tương ứng cho trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học: Nội dung và mức chi thực hiện theo Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

2.3. Xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề mẫu kiểm tra đánh giá: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.

2.4. Xây dựng và tuyển chọn phần mềm dạy - học ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư này.

2.5. Chi khảo sát, rà soát năng lực ngoại ngữ của cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên ngoại ngữ, giáo viên ngoại ngữ hiện có tại các cơ sở giáo dục: Nội

dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 2 của Thông tư này.

2.6. Tô chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao trình độ giáo viên ngoại ngữ hiện có; bồi dưỡng về các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ hiện đại cũng như các kỹ năng phụ trợ khác (như: Kỹ năng sử dụng thiết bị đa phương tiện, khả năng khai thác Internet và các phần mềm chuyên dụng...); các khoá bồi dưỡng sư phạm và cấp chứng chỉ sư phạm ngoại ngữ 6 tháng cho những người có trình độ ngoại ngữ phù hợp muốn trở thành giáo viên/giảng viên ngoại ngữ; Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và kỹ thuật viên nhằm sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy và học ngoại ngữ, khai thác đúng mục đích các nguồn thông tin, tư liệu nước ngoài, đặc biệt là Internet, phục vụ cho việc dạy và học ngoại ngữ: Nội dung và mức chi thực hiện theo Thông tư liên tịch số 98/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn nội dung và mức chi thực hiện Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020”.

2.7. Bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn ở nước ngoài nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cho giáo viên: Nội dung và mức chi thực hiện theo Thông tư liên tịch số 98/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn nội dung và mức chi thực hiện Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020”.

2.8. Chi mua sắm các trang thiết bị dạy và học ngoại ngữ phù hợp với lộ trình triển khai Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020”: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư này.

Căn cứ theo nội dung Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và trong phạm vi dự toán NSNN của CTMTQG GD&ĐT đã được Chính phủ giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì và bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ nêu tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 và 2.4 Khoản 2 Điều này.

3. Dự án 3: Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; Hỗ trợ cơ sở vật chất trường chuyên, trường sư phạm.

3.1. Chi hỗ trợ xây dựng bổ sung phòng học, phòng học bộ môn, phòng thư viện, nhà tập đa năng, phòng ở nội trú cho học sinh, nhà ăn, phòng làm việc của cán bộ quản lý và giáo viên cho trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT): Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 của Thông tư này.

3.2. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng mới trường PTDTNT cấp huyện, trường PTDTNT cấp tỉnh (các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Phước, Bình Thuận, An Giang, Kiên Giang,

Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau): Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 của Thông tư này.

3.3. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú; bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên dạy tại các trường PTDTNT và PTDT bán trú: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Thông tư này.

3.4. Chi biên soạn tài liệu phục vụ cho hoạt động giáo dục của trường phổ thông dân tộc nội trú: Nội dung và mức chi vận dụng theo quy định tại điểm c mục 2.1 Khoản 2 Điều 3 của Thông tư này

3.5. Chi hỗ trợ cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, xây dựng các hạng mục công trình:

a) Chi hỗ trợ xây dựng, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị theo hướng đạt chuẩn quốc gia cho các cơ sở giáo dục miền núi, vùng khó khăn và cơ sở giáo dục có học sinh người dân tộc, các trường PTDT bán trú: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 2 của Thông tư này.

b) Chi hỗ trợ xây dựng bổ sung các hạng mục công trình, mua sắm trang thiết bị cho các trường dự bị đại học, khoa dự bị đại học và trường PTDTNT thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 2 của Thông tư này.

c) Chi hỗ trợ xây dựng bổ sung phòng học, nhà công vụ và mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học cho một số điểm trường tiểu học ở các thôn bản có học sinh dân tộc rất ít người tại 6 tỉnh là Lào Cai, Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu, Nghệ An, Kon Tum: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 2 của Thông tư này.

3.6. Biên soạn và tập huấn theo tài liệu đặc thù hỗ trợ giáo viên và học sinh các dân tộc rất ít người:

a) Biên soạn tài liệu đặc thù hỗ trợ giáo viên và học sinh các dân tộc rất ít người: Nội dung và mức chi vận dụng theo quy định tại điểm c mục 2.1 Khoản 2 Điều 3 của Thông tư này.

b) Tập huấn theo tài liệu đặc thù hỗ trợ giáo viên và học sinh các dân tộc rất ít người: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Thông tư này.

3.7. Thực hiện mua sách, truyện phát không cho các trường tiểu học, trung học cơ sở miền núi, dân tộc theo Quyết định số 21/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3.8. Triển khai thí điểm dạy học tài liệu Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số (Nhiệm vụ thực hiện tại trung ương):

a) Tập huấn cho giáo viên cốt cán để triển khai thí điểm dạy học tài liệu Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Thông tư này.

b) In ấn, phát hành tài liệu, băng đĩa dạy minh hoạ phát cho địa phương: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư này.

c) Kiểm tra, đánh giá, hỗ trợ kỹ thuật cho địa phương: Hội nghị sơ kết và triển khai hàng năm: Nội dung và mức chi được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này.

3.9. Chi hỗ trợ xây dựng phòng học, phòng học bộ môn, nhà tập đa năng, thư viện, phòng họp giáo viên, nhà nội trú và nhà ăn cho trường chuyên: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 của Thông tư này.

3.10. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà học, giảng đường, ký túc xá, thư viện, nhà thí nghiệm, nhà làm việc của giảng viên; mua sắm bổ sung thiết bị phục vụ nghiên cứu, thí nghiệm và các thiết bị khác phục vụ dạy, học cho các trường sư phạm, khoa sư phạm: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 của Thông tư này.

3.11. Kiểm tra, đánh giá, hội nghị sơ kết và triển khai hàng năm đối với các hoạt động hỗ trợ trường PTDTNT, trường PTDT bán trú, trường có học sinh các dân tộc rất ít người (Nhiệm vụ thực hiện tại trung ương): Nội dung và mức chi được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này.

4. Dự án 4: Nâng cao năng lực cán bộ quản lý Chương trình và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

4.1. Đối với hoạt động của Ban quản lý CTMTQG GD&ĐT tại trung ương:

a) Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước xây dựng chỉ số, hệ thống giám sát, đánh giá Chương trình: Được vận dụng theo quy định tại Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

b) Đối với cán bộ hợp đồng làm việc chuyên trách tại Bộ phận thường trực Ban Quản lý Chương trình: Được thanh toán tiền lương, các khoản phụ cấp theo cấp bậc, phụ cấp lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các khoản đóng góp (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn) theo quy định hiện hành của nhà nước.

c) Tổ chức tập huấn phổ biến chỉ số, hệ thống giám sát, đánh giá Chương trình cho cán bộ quản lý tại trung ương và cán bộ cấp tỉnh của địa phương: Nội dung và mức chi được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Thông tư này.

d) Thực hiện kiểm tra, giám sát, tổ chức Hội nghị giao ban, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Chương trình: Nội dung và mức chi được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này.

đ) Chi cập nhật số liệu, thu thập và xử lý thông tin, xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu của Chương trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử.

e) Tổng hợp, xây dựng báo cáo, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ hàng năm của Chương trình: Tối đa không quá 1.000.000 đồng/báo cáo dự án thành phần và 2.000.000 đồng/báo cáo toàn Chương trình.

g) Thực hiện kiểm toán đối với việc sử dụng các nguồn vốn của Chương trình (kiểm toán nhà nước, kiểm toán độc lập).

h) Chi phí hoạt động thường xuyên của Ban quản lý CTMTQG GD&ĐT

4.2. Đối với hoạt động của cơ quan thực hiện CTMTQG GD&ĐT ở địa phương:

a) Tổ chức tập huấn phổ biến chi số, hệ thống giám sát, đánh giá Chương trình cho cán bộ quản lý cấp huyện, xã, các đơn vị thực hiện tại địa phương và chi công tác phí cho cán bộ được cử đi tham dự các lớp tập huấn bồi dưỡng do Ban Quản lý CTMTQG GD&ĐT tại Trung ương tổ chức: Nội dung và mức chi được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Thông tư này.

b) Thực hiện kiểm tra, giám sát, tổ chức Hội nghị giao ban, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn: Nội dung và mức chi được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này.

c) Chi cập nhật số liệu, thu thập và xử lý thông tin, xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu của Chương trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử.

d) Tổng hợp, xây dựng báo cáo, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ hàng năm của Chương trình trên địa bàn: Tối đa không quá 500.000 đồng/báo cáo cấp huyện và 1.000.000 đồng/báo cáo cấp tỉnh.

Điều 4. Lập, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí Chương trình

Việc lập dự toán, phân bổ và giao dự toán, cấp phát, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước và quy định cụ thể tại Thông tư này.

1. Lập dự toán

Hàng năm, căn cứ vào các mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2012 - 2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012, căn cứ các Dự án thành phần của CTMTQG GD&ĐT được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo quy định, kết quả đánh giá tình hình thực hiện Chương trình của năm báo cáo; mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình năm kế hoạch và hướng dẫn xây dựng kế hoạch và lập dự toán ngân sách của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm mục tiêu, nhiệm vụ, kinh phí, biện pháp tổ chức thực hiện), các Bộ ngành và các địa phương tổ chức thực hiện như sau:

1.1. Các Bộ, cơ quan trung ương hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện CTMTQG GD&ĐT của năm kế hoạch (trong đó phải chi tiết theo từng mục tiêu, dự án và theo nguồn vốn: vốn

đầu tư, vốn thường xuyên), tổng hợp xây dựng dự toán kinh phí CTMTQG GD&ĐT của Bộ, cơ quan trung ương gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, đồng thời tổng hợp vào dự toán ngân sách năm kế hoạch của Bộ, cơ quan trung ương để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định.

1.2. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện CTMTQG GD&ĐT của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chi tiết theo từng mục tiêu, dự án, theo nguồn ngân sách thực hiện (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn kinh phí khác) và theo nguồn vốn (vốn đầu tư, vốn thường xuyên), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

1.3. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Căn cứ vào Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, căn cứ vào đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương và số kiểm tra về tổng mức kinh phí CTMTQG GD&ĐT được cơ quan có thẩm quyền thông báo và các Dự án thành phần của CTMTQG GD&ĐT được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo quy định, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng dự toán và phương án phân bổ kinh phí của CTMTQG GD&ĐT đối với từng mục tiêu, dự án, nguồn vốn (vốn đầu tư, vốn thường xuyên) và chi tiết cho các Bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo các nguyên tắc và tiêu chí như sau:

a) Phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt của CTMTQG GD&ĐT cho cả giai đoạn và của năm kế hoạch.

b) Dựa vào số liệu điều tra, thống kê kinh tế-xã hội và số liệu thống kê của các cấp học để phân bổ kinh phí cho các mục tiêu cụ thể (ví dụ như phổ cập giáo dục, nhu cầu đầu tư thêm phòng học...), các mục tiêu ưu tiên.

c) Căn cứ vào đề xuất nhu cầu của các cơ quan thực hiện CTMTQG GD&ĐT để xem xét phân bổ có trọng tâm, trọng điểm giải quyết các mục tiêu ưu tiên, các nhiệm vụ đặc thù của ngành.

Trước ngày 15 tháng 9 năm trước, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi phương án phân bổ kinh phí CTMTQG GD&ĐT về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xem xét, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của các bộ, ngành và địa phương trình Chính phủ, trình Quốc hội quyết định.

2. Phân bổ và giao dự toán

2.1. Đối với các Bộ, cơ quan trung ương:

Căn cứ vào dự toán kinh phí CTMTQG GD&ĐT đã được Thủ tướng Chính phủ giao, tiến hành phân bổ dự toán kinh phí cho các đơn vị trực thuộc theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng dự án, gửi kết quả phân bổ và giao dự toán kinh phí CTMTQG GD&ĐT về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo qui định.

2.2. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Căn cứ dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ giao về kinh phí CTMTQG GD&ĐT, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng phương án phân bổ dự toán kinh phí thực hiện các dự án CTMTQG GD&ĐT, phương án huy động các nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí khác để thực hiện Chương trình. Phương án phân bổ lập chi tiết cho từng dự án và đơn vị thực hiện gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, phê duyệt trước khi ra quyết định giao dự toán cho các đơn vị thụ hưởng. Mức kinh phí phân bổ đảm bảo không thấp hơn dự toán kinh phí CTMTQG GD&ĐT được Thủ tướng Chính phủ giao.

Đối với các nội dung, dự án cụ thể được Trung ương giao thành mục tiêu riêng thì Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải phân bổ không thấp hơn mức của trung ương quy định cho từng nội dung, dự án trong cả giai đoạn 2012 - 2015. Đối với các dự án khác, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động phân bổ và điều chỉnh kinh phí giữa các dự án nhưng phải đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của từng Dự án thành phần thuộc CTMTQG GD&ĐT đã được xác định cho cả giai đoạn 2012 - 2015. Sau khi phương án phân bổ kinh phí CTMTQG GD&ĐT được phê duyệt, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm gửi kết quả phân bổ dự toán kinh phí CTMTQG GD&ĐT (chi tiết từng dự án) về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo qui định.

2.3. Quyết định giao dự toán của các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho các đơn vị triển khai thực hiện phải chi tiết theo nguồn vốn (vốn sự nghiệp, vốn đầu tư) và theo ngành kinh tế (loại, khoản trong mục lục ngân sách hiện hành và mã số ngân sách) của từng dự án thuộc CTMTQG GD&ĐT. Các cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí CTMTQG GD&ĐT khi phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc phải đảm bảo đúng tổng mức, cơ cấu kinh phí đối với các dự án thành phần do cấp trên giao và theo đúng mục lục và mã số ngân sách của từng dự án thuộc CTMTQG GD&ĐT.

3. Công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí

3.1. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao kinh phí thực hiện CTMTQG GD&ĐT chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo chế độ quy định.

3.2. Các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí CTMTQG GD&ĐT phải mở sổ kế toán để ghi chép, hạch toán và quyết toán theo đúng quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC. Ngân sách CTMTQG GD&ĐT hạch toán theo chương, loại, khoản tương

ứng của mục lục ngân sách Nhà nước và mã số CTMTQG GD&ĐT ban hành tại Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục NSNN, Thông tư số 30/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài chính và Thông tư số 110/2012/TT-BTC ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung mục lục NSNN.

3.3. Đối với việc sử dụng kinh phí CTMTQG GD&ĐT để đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa thực hiện theo đúng các quy định hiện hành (Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác của Nhà nước).

Riêng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế xã hội thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo, việc quản lý thanh toán vốn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2010/TT-BTC ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế xã hội của các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Ngoài việc thực hiện quyết toán nguồn kinh phí hàng năm nêu trên, đối với các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa sử dụng kinh phí CTMTQG GD&ĐT sau khi hoàn thành phải thực hiện theo Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

3.4. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, cấp phát, thanh toán cho các dự án của CTMTQG GD&ĐT theo quy định của Luật NSNN và các Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, các chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định tại Thông tư này.

3.5. Hàng quý, năm các đơn vị sử dụng ngân sách CTMTQG GD&ĐT thực hiện đối chiếu tình hình giải ngân với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, Kho bạc tổng hợp báo cáo Kho bạc Nhà nước cấp trên.

3.6. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao kinh phí thực hiện CTMTQG GD&ĐT phải chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí CTMTQG GD&ĐT theo chế độ quy định.

Điều 5. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng hàng năm, các đơn vị trực tiếp sử dụng và thụ hưởng kinh phí CTMTQG GD&ĐT của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện CTMTQG GD&ĐT (kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyên môn) cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chủ trì tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện CTMTQG GD&ĐT (kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyên môn) của các đơn vị trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Ủy ban

nhân dân phê duyệt đề báo cáo và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Định kỳ 6 tháng hàng năm, các Bộ, cơ quan trung ương có sử dụng ngân sách CTMTQG GD&ĐT, có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện CTMTQG GD&ĐT (kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyên môn) gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

4. Báo cáo 6 tháng đầu năm gửi tới các cơ quan liên quan trước ngày 31/7 (áp dụng đối với đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo Bộ chủ quản, Sở Giáo dục và Đào tạo), trước ngày 31/8 (áp dụng đối với Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Báo cáo năm gửi trước ngày 28/2 của năm kế tiếp (áp dụng đối với đơn vị sử dụng ngân sách, các huyện báo cáo Bộ chủ quản, Sở Giáo dục và Đào tạo), trước ngày 31/3 (áp dụng đối với Bộ, Ủy ban Nhân dân báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài Chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

5. Nếu quá thời hạn theo quy định nêu trên mà các cơ quan, đơn vị được giao sử dụng ngân sách CTMTQG GD&ĐT không gửi báo cáo tình hình thực hiện kinh phí Chương trình về các cơ quan liên quan theo quy định thì sẽ bị tạm đình chỉ chi ngân sách theo quy định tại điểm 21, Mục IV, Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

- Cơ quan giáo dục và đào tạo ra thông báo yêu cầu thời hạn cuối cùng phải nộp báo cáo.

- Trường hợp sau 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giáo dục, đơn vị vẫn không thực hiện gửi báo cáo, cơ quan giáo dục gửi cơ quan tài chính tổng hợp danh sách các đơn vị chưa gửi báo cáo để cơ quan tài chính ra quyết định đình chỉ chi ngân sách đối với đơn vị đó, thông báo cho Kho bạc Nhà nước cùng cấp để thực hiện, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên của tổ chức, đơn vị bị đình chỉ chi biết để đôn đốc, nhắc nhở.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính định kỳ tổng hợp, báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nội dung và hiệu quả sử dụng kinh phí của CTMTQG GD&ĐT báo cáo Chính phủ.

Điều 6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá và kiểm toán

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu, nội dung và sử dụng kinh phí CTMTQG GD&ĐT tại các đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương bảo đảm giám sát, đánh giá việc thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí CTMTQG GD&ĐT đảm bảo đúng mục tiêu, đúng chế độ, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra

định kỳ, đột xuất, giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu của các dự án, bảo đảm việc quản lý sử dụng kinh phí của CTMTQG GD&ĐT đạt các chỉ tiêu được giao, đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm và hiệu quả.

3. Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận tổ quốc và các cơ quan đoàn thể các cấp, cộng đồng tham gia và phối hợp giám sát thực hiện CTMTQG GD&ĐT.

4. Kiểm toán Nhà nước hoặc Kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán đối với toàn bộ hoạt động quản lý tài chính của CTMTQG GD&ĐT theo quy định của Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật Kiểm toán độc lập. Các đơn vị có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí CTMTQG GD&ĐT, Kho bạc Nhà nước các cấp có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phối hợp với cơ quan kiểm toán.

5. Các đơn vị thụ hưởng kinh phí CTMTQG GD&ĐT tổ chức kiểm toán nội bộ nhằm tăng cường kiểm soát chất lượng trong việc lập kế hoạch và thực thi các dự án tại cấp cơ sở. Nội dung kiểm toán nội bộ gồm:

- Kiểm tra xác nhận chất lượng, độ tin cậy của các thông tin kinh tế, tài chính nêu trong Báo cáo tài chính của đơn vị;

- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định về quản lý tài chính và các quy định khác có liên quan đến việc thực hiện dự án, chương trình;

- Phát hiện những điểm yếu kém trong quản lý tài chính;

- Lập báo cáo tổng hợp kết quả đợt kiểm toán, kiểm soát;

- Kiến nghị với lãnh đạo đơn vị những biện pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện dự án và khắc phục những tồn tại được nêu trong báo cáo kiểm toán.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1.1. Thành lập Ban Quản lý CTMTQG GD&ĐT theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Quy chế quản lý, điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, dự án của CTMTQG GD&ĐT ; phối hợp lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện có hiệu quả, không để thất thoát; quyết toán phần kinh phí thuộc CTMTQG GD&ĐT theo quy định.

2. Các Bộ, cơ quan Trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

2.1. Quản lý, sử dụng kinh phí CTMTQG GD&ĐT theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và bảo đảm đạt hiệu quả theo mục tiêu đề ra.

2.2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, dự án của CTMTQG GD&ĐT đã được giao theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo kế hoạch được duyệt. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, không thất thoát và quyết toán kinh phí theo quy định.

2.3. Thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện CTMTQG GD&ĐT có hiệu quả.

2.4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ thực tế phân cấp quản lý hiện hành trên địa bàn và đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo để xem xét, giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, thực hiện các dự án của CTMTQG GD&ĐT cho các cơ quan thực hiện.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2013.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư liên tịch này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

5. Đối với khối lượng công việc đã triển khai thực hiện từ ngày 05 tháng 9 năm 2012 đến trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành; các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương căn cứ quy định tại Thông tư này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Vinh Hiền

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh

Nơi nhận: *HS*

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở GD&ĐT, Sở Tài chính,
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT.

BỘ TÀI CHÍNH
Số: **43/2013/TT-BTC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **18** tháng 4 năm 2013

THÔNG TƯ

Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành tại Thông tư số 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/4/2013 và thay thế các mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính./

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VP BCĐ TƯ về phòng, chống tham nhũng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai



**DANH MỤC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI
ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG THUỘC NHÓM 2710**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43 /2013/TT-BTC

Ngày 18/4/2013 của Bộ Tài chính)

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
27.10	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải.	
	- Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ nhiên liệu sinh học và trừ dầu thải:	
2710.12	-- Dầu nhẹ và các chế phẩm:	
	--- Xăng động cơ:	
2710.12.11	---- RON 97 và cao hơn, có pha chì	14
2710.12.12	---- RON 97 và cao hơn, không pha chì	14
2710.12.13	---- RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 có pha chì	14
2710.12.14	---- RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 không pha chì	14
2710.12.15	---- Loại khác, có pha chì	14
2710.12.16	---- Loại khác, không pha chì	14
2710.12.20	-- Xăng máy bay, trừ loại sử dụng làm nhiên liệu máy bay phản lực	7
2710.12.30	--- Tetrapropylen	14
2710.12.40	--- Dung môi trắng (white spirit)	14
2710.12.50	--- Dung môi có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1% tính theo trọng lượng	14
2710.12.60	--- Dung môi nhẹ khác	14
2710.12.70	--- Naphtha, reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng động cơ	14
2710.12.80	--- Alpha olefin khác	14
2710.12.90	--- Loại khác	14
2710.19	-- Loại khác:	
2710.19.20	--- Dầu thô đã tách phân nhẹ	5
2710.19.30	--- Nguyên liệu để sản xuất than đen	5

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
	- - - Dầu và mỡ bôi trơn:	
2710.19.41	- - - - Dầu khoáng đã tinh chế để sản xuất dầu bôi trơn	5
2710.19.42	- - - - Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay	5
2710.19.43	- - - - Dầu bôi trơn khác	5
2710.19.44	- - - - Mỡ bôi trơn	5
2710.19.50	- - - Dầu dùng trong bộ hãm thủy lực (dầu phanh)	3
2710.19.60	- - - Dầu biến thế và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch	5
	- - - Nhiên liệu diesel; các loại dầu nhiên liệu:	
2710.19.71	- - - - Nhiên liệu diesel cho ô tô	10
2710.19.72	- - - - Nhiên liệu diesel khác	10
2710.19.79	- - - - Dầu nhiên liệu	12
2710.19.81	- - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23° C trở lên	7
2710.19.82	- - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23° C	7
2710.19.83	- - - Các kerosine khác	12
2710.19.89	- - - Dầu trung khác và các chế phẩm	15
2710.19.90	- - - Loại khác	3
2710.20.00	- Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên là dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, có chứa dầu diesel sinh học, trừ dầu thải	5
	- Dầu thải:	
2710.91.00	- - Có chứa biphenyl đã polyclo hóa (PCBs), terphenyl đã polyclo hóa (PCTs) hoặc biphenyl đã polybrom hóa (PBBs)	20
2710.99.00	- - Loại khác	20